

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 20 - 3 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 846/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Túy N**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Số A T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Số C H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Dương Thị Túy N trình bày:**

Chị **Dương Thị Túy N** và anh **Trần Hữu T** kết hôn tự nguyện. Hai người đã được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã tiến hành đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế** vào tháng 01/2015. Sau khi kết hôn, chị **N** và anh **T** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cãi vã gây gổ nhau. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được và ngày càng căng thẳng nên chị **N** phải về nhà cha mẹ để ở và sống ly thân với anh **T** từ hơn 02 năm nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng giữa chị **N** và anh **T** không còn nên chị **N** khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị **Dương Thị Túy N** khai có chung với anh **Trần Hữu T** 02 con chung tên là **Trần Diễm Quế A**, sinh ngày 31/01/2015 và **Trần Khởi N1**, sinh ngày 02/02/2018. Chị **N** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu **A** và **N1** lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị **N** khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh cháu **Trần Diễm Quế A** và **Trần Khởi N1** (Bản sao); Căn cước công dân chị **Dương Thị Túy N** (Bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ **Trần Hữu T1** (Bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng anh **Trần Hữu T** đều không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Phía nguyên đơn là chị **Dương Thị Túy N** đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải thêm nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh **Trần Hữu T** đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị **Dương Thị Túy N** được ly hôn anh **Trần Hữu T**.

- Về con chung: Chị **Dương Thị Túy N** và anh **Trần Hữu T** có 02 con chung tên là **Trần Diễm Quế A**, sinh ngày 31/01/2015 và **Trần Khởi N1**, sinh ngày 02/02/2018.

Hiện tại, cả 02 con chung đều ở với chị **N**, cháu **A** có nguyện vọng được ở với mẹ và chị **N** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị **N** nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng là hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị **Dương Thị Túy N** xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn là chị **Dương Thị Túy N** tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị **N** phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, cả nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại **thành phố H**. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh **Trần Hữu T** đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị **Dương Thị Túy N** và anh **Trần Hữu T** kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/01/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị **N** thì cuộc sống hôn nhân giữa hai người hạnh phúc được một thời gian khoảng hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không có phương án giải quyết và ngày càng trầm trọng hơn, điều này phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại giữa chị **N** và anh **T** là giữa hai người đã và đang sống ly thân nhau trong một thời gian khá dài, không còn sự quan tâm, chia sẻ gì đến nhau mà vẫn bỏ mặc cho hôn nhân rạn nứt. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh **T** đều không đến Tòa án để tham gia hòa giải nhằm tìm kiếm phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ, điều này chứng tỏ anh **T** cũng không thiết tha duy trì quan hệ hôn nhân với chị **N**. Do

đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **N** và anh **T** đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Dương Thị Túy N** được ly hôn anh **Trần Hữu T**.

[4] Về con chung: Chị **Dương Thị Túy N** và anh **Trần Hữu T** có 02 con chung tên là **Trần Diễm Quế A**, sinh ngày 31/01/2015 và **Trần Khởi N1**, sinh ngày 02/02/2018. Hiện tại, cả 02 con chung đều ở với chị **N**, cháu **A** có nguyện vọng được ở với mẹ và chị **N** cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Do đó, để đảm bảo sự cư trú, học tập ổn định cũng như tinh thần của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét cần giao cả 02 con chung cho chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị **Dương Thị Túy N** yêu cầu anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Xét mức cấp dưỡng này là không cao, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên nên cần buộc anh **Trần Hữu T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu **A** và **N1** lần lượt đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị **Dương Thị Túy N** xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn là chị **Dương Thị Túy N** tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên cần buộc chị **N** phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thị Túy N** được ly hôn anh **Trần Hữu T**.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là **Trần Diễm Quế A**, sinh ngày 31/01/2015 và **Trần Khởi N1**, sinh ngày 02/02/2018 cho chị **Dương Thị Túy N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản

trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Buộc anh **Trần Hữu T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu **A** và **N1** lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc chị **Dương Thị Túy N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn; tổng cộng 600.000 đồng nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001081 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị **Dương Thị Túy N** còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Võ Dạ, thành phố Huế;
- Lưu HSVA, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam